

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/08/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3+P2+BK5	7:25	2+16+4	0+0+0		1+16+4	0+0+0	chuyen 1 p2 bk5
2		TD5+ClO	7:25	20+1	0+0		16+6	0+0	chuyen 1 td5-clo
3		TD3+RP3	7:25	21+0	0+0		8+14	0+0	
4		SAVR	7:25	17	0		19	0	ec225
5		RP2	7:25	18	0		19	0	puma
6		TD1+BK3+RP2	9:25	4+3+11	0+0+0		0+3+19	0+0+0	
7		RC3+TD5+TD3	9:25	17+0+2	0+0+0		6+11+5	0+0+0	
8		P7+P5+RP2	9:25	3+4+6	0+0+0		0+6+16	0+0+0	
9		RC10+CTC1	9:25	5+10	0+0		3+13	0+0	ec225
10		PPD	9:25	19	0		19	0	puma
11		BK8+P2	11:25	6+16	0+0		5+17	0+0	
12		PPD+MRM+TD2	11:25	12+6+3	0+0+0		7+7+8	0+0+0	
13		BK6+RP1	11:25	11+8	0+0		5+17	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày P2-6ng/



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO:CTK3 - P2 - BK5	CREW: VTHẮNG - N.CƯƠNG - THỤ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/3056	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN XUAN ANH	CTK3	41	1	7	2	40	80	PSV	Vietnamese
2	TRAN XUAN PHUC	CTK3						70	VNHS	Vietnamese
3	NGUYEN HUU PHUONG	P2						68	BIEN ĐONG	Vietnamese
4	LE HONG ĐAI	P2	55	1	5			73	D-HANH	Vietnamese
5	DUBOV ALEKSANDR	P2	51	1	7			92	KH-THAC	Russian
6	DUONG XUAN ĐIỆP	P2	41	1	4			48	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM QUỐC HIẾN	P2	44	1	6	2	40	57	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG MINH ĐỨC	P2	48	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐOÀN NGUYỄN BẢO CHÂU	P2	53	1	3			57	KH-THAC	Vietnamese
10	LƯƠNG XUÂN THAI	P2	50	1	12			73	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM NGUYỄN HOANG PHÚC	P2	46	1	3			87	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG THẮNG	P2						74	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM HẢI KIẾN	P2	54	1	2			73	KHI	Vietnamese
14	TRẦN KHOA TRƯỜNG	P2	52	1	7			77	NIPI	Vietnamese
15	PHAN NGỌC QUYẾT	P2	45	1	4			69	NIPI	Vietnamese
16	TRẦN TRỌNG PHONG	P2	42-43	2	17			74	YTE	Vietnamese
17	LE VAN ĐÔNG	P2	49	1	2			78	KH-THAC	Vietnamese
18	LUU VAN TU	P2	47	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
19	THAI HAI HA	BK5	60-61	2	9			63	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI TRAN VIỆT	BK5	63	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN THUẬN	BK5	62-63	2	8	2	35	71	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐÌNH TIỆN	BK5	65	1	6			70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	2	150	1	7	2	40	1		1NB VÊ GHÊ PHỤ
2	P2	16	1.126	15	81	2	40	16	+1	CHUYỂN 01 PAX TỪ P2 SANG BK5
3	BK5	4	272	6	29	2	35	4		
TOTAL		22	1.548	22	117	6	115	21		
WEIGHT KG			1.548		117		115			

GRAND TOAL: 1.780 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
PHAN NHƯ CƯƠNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: TD5 - CLO	CREW: HÙNG - NPHÚ - TÚ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/3059	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VŨ MẠNH THĂNG	TD5	75	1	3	3	55	77	KHOAN	Vietnamese
2	ASKAROV DENIS	TD5	73	1	10			80	KHOAN	Russian
3	NGUYỄN TẤN TÀI	TD5	77	1	9			70	KHOAN	Vietnamese
4	NGÔ VĂN HUY	TD5	59	1	4			71	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HOA	TD5	55-56	2	12			81	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM TẤN ĐIỀN	TD5	60-61	2	12			62	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ LONG PHI	TD5	67	1	7			73	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM VĂN CHIẾN	TD5	66	1	6			78	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN THANH	TD5	57-58	2	9			68	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN TUẤN ANH	TD5						82	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TRUNG KIẾN	TD5	54	1	11			71	KHOAN	Vietnamese
12	LƯU ĐÌNH MINH	TD5	70-72	3	20			85	KHOAN	Vietnamese
13	NGÔ THUẬN THANH	TD5	68-69	2	17			73	KHOAN	Vietnamese
14	ĐOÀN VĂN MƯỜI	TD5	63	1	14			62	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU LUẬN	TD5	74	1	12			70	KHOAN	Vietnamese
16	ĐÀO DUY ĐIỆP	TD5	76	1	16			81	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HẠNH	TD5	65	1	5			59	PSV	Vietnamese
18	ĐÌNH VĂN THĂNG	TD5	62	1	4			74	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN TIẾN SỸ	TD5	64	1	5			53	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	19	1.370	24	176	3	55	16		CHUYEN 1 PAX TD5-CLO
2	CLO	0	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		19	1.370	24	176	3	55	22		
WEIGHT KG			1.370		176		55			

GRAND TOAL: 1.601 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
ĐÀO NGỌC PHÚ



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
B.CARD: VANG - 1	TO: TD3 - RP3	CREW: DƯƠNG - SƠN - HUY	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/3062	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LE TRUNG SƠN	TD3	35-36	2	11			73	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN HAI	TD3	54	1	6			80	KHOAN	Vietnamese
3	OLEINIK IVAN	TD3	39	1	3			72	KHOAN	Russian
4	TRẦN HỮU THỌ	TD3	43	1	5			79	KHOAN	Vietnamese
5	CHU VĂN THẮNG	TD3	45	1	12			67	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM HÙNG DƯƠNG	TD3	44	1	3			99	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN MẠNH HÙNG	TD3	34	1	5			74	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ QUANG HIẾU	TD3	48	1	5			115	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN PHI HÙNG	TD3	55	1	3			79	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM DƯƠNG HAI	TD3	37	1	6			65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH TIẾN	TD3	32	1	6			91	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM HỮU HUÂN	TD3	42	1	12			63	KHOAN	Vietnamese
13	NGÔ DUY NGỌC	TD3	33	1	13			60	KHOAN	Vietnamese
14	BUI QUANG MẠNH	TD3	40-41	2	9			73	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM NGUYỄN TRUNG KIẾN	TD3	52	1	12			92	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN ĐẠT	TD3	53	1	7			54	KHOAN	Vietnamese
17	LIU XUÂN HẠNH	TD3	50-51	2	10			70	KHOAN	Vietnamese
18	ĐINH VĂN BÁC	TD3	46-47	2	13			66	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN UT	TD3	38	1	7			65	KHOAN	Vietnamese
20	PHẠM VĂN THAI	TD3	28-29	2	20			81	SCHLUMBE	Vietnamese
21	NGUYỄN THẾ TRÁ	TD3	30-31	2	16			66	SCHLUMBE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	21	1.584	27	184	0	0	7		
2	RP3	0	0	0	0	0	0	15		
TOTAL		21	1.584	27	184	0	0	22		
WEIGHT KG			1.584		184		0			

GRAND TOAL: 1.768 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

BUI HOÀNG DƯƠNG

PHẠM THÁI SƠN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 07:45
B.CARD: TRANG-1A	TO:SAVR	CREW: ĐTRUNG - VƯƠNG	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/3068	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	EREMEEV EVGENIY NIKOLAEVICH	SAVR	2000	1	12			99	KHOAN/TIB	Russian
2	DOBRYNIN PAVEL	SAVR	84	1	12			104	AMNGR	Russian
3	KOSHELIUK IGOR	SAVR	98	1	5			85	AMNGR	Russian
4	NGUYEN HOANG LONG	SAVR	81-82	2	13			67	DMC-MI	Vietnamese
5	PHAM QUANG VINH	SAVR	76-77	2	16			64	PVD-LOGG	Vietnamese
6	KIMAKOVSKII STANISLAV	SAVR	93-94	2	14			93	AMNGR	Russian
7	GORCHAKOV SERGEI	SAVR	97	1	13			98	AMNGR	Russian
8	TUZOV DENIS	SAVR	83	1	4			91	AMNGR	Russian
9	KRYLOV EVGENII	SAVR	78-79	2	13			81	AMNGR	Russian
10	NEKRASOV IGOR	SAVR	95-96	2	17			94	AMNGR	Russian
11	DEREVENSKII PAVEL	SAVR	85-86	2	12			103	AMNGR	Russian
12	LOSEV ALEKSEI	SAVR	90	1	12			87	AMNGR	Russian
13	PROKOFEV ARTEMII	SAVR	87-88	2	12			85	AMNGR	Russian
14	KHOTSKII EVGENII	SAVR	91-92	2	16			70	AMNGR	Russian
15	TANGIEV DAUD	SAVR	89	1	6			88	AMNGR	Russian
16	LE VAN HUY	SAVR	99	1	11			67	HONG HA	Vietnamese
17	NGUYEN VAN BINH	SAVR	80	1	12			77	BAKER HU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	17	1.453	25	200	0	0	19		
	TOTAL	17	1.453	25	200	0	0	19		
	WEIGHT KG		1.453		200		0			

GRAND TOAL: 1.653 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

NGUYỄN ĐỨC TRUNG

TRẦN HÙNG VƯƠNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 07:50
B.CARD: NAU-1	TO:RP2	CREW: ATUÁN - VLINH	ETA: 09:40
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM25/3065	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	KHALIMOV A.A	RP2	22	1	17	2	35	93	KH-THAC	Russian
2	ĐINH XUÂN GIANG	RP2	17	1	3			77	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG HOANG	RP2	11	1	2	1	11	68	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN NGỌC CHINH	RP2	13	1	4			77	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN CÔNG HOANG	RP2	19	1	12			66	KH-THAC	Vietnamese
6	LUU VAN DIEN	RP2	14-15	2	12			73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HÙNG CƯỜNG	RP2	10	1	3			87	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN BA DUY	RP2	09	1	3			61	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN LÊ MINH TUAN	RP2	21	1	17			97	KH-THAC	Vietnamese
10	THAI HUU TAM	RP2	25-26	2	13			77	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI KHAC HOANG	RP2	20	1	6			58	YTE	Vietnamese
12	NGUYỄN DUY HÙNG	RP2	28	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HỒNG QUANG	RP2	29	1	5	2	16	70	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐO ĐỨC CƯỜNG	RP2	16	1	3			81	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN THIÊN PHƯỚC	RP2	27	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM XUÂN KHOA	RP2	23	1	10			67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG TÂN	RP2	24	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ TRƯỜNG CHINH	RP2	18	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP2	18	1.320	20	133	5	62	19		
TOTAL		18	1.320	20	133	5	62	19		
WEIGHT KG			1.320		133		62			

GRAND TOAL: 1.515 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN MAI PHI

CREW

DOAN ANH TUAN

TRINH VINH LINH

Fuel: 1300 kg (Hóa 0739)



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: TD1 - BK3 - RP2	CREW: VTHẮNG - N.CƯỜNG - THỤ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM25/3057	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	DUTKO VASILII	TD1	81	1	7	1	22	90	ĐẠI LAM-T	Russian
2	MAZIN EVGENII	TD1	76-77	2	20			66	ĐẠI LAM-T	Russian
3	MALYSHKIN NIKITA	TD1	78-79	2	20			86	ĐẠI LAM-T	Russian
4	SHARIPOV RISHAT	TD1	83	1	8	1	19	71	ĐẠI LAM-T	Russian
5	NGUYEN HOAI NAM	BK3	21-22	2	14			72	NAM TIEN	Vietnamese
6	BUI CHI LINH	BK3	20	1	12	3	55	65	NAM TIEN	Vietnamese
7	TRƯƠNG KIM TRƯỜNG	BK3	18-19	2	14			76	NAM TIEN	Vietnamese
8	VŨ HỮU QUẢN	RP2	02	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ ĐỨC LONG	RP2	03	1	7			57	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG TUAN CUONG	RP2	01	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ HOANG CẨM	RP2	05	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN HAI	RP2	08	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT NHƯNG	RP2	07	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	09	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN NGÓN QUANG DUY	RP2	10	1	7			92	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN ĐỨC NGUYỄN	RP2	04	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
17	LƯƠNG NGỌC THANH	RP2	06	1	8			97	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN HỢP	RP2	11	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	4	313	6	55	2	41	0		
2	BK3	3	213	5	40	3	55	3		
3	RP2	11	769	11	67	0	0	19		
TOTAL		18	1.295	22	162	5	96	22		
WEIGHT KG			1.295		162		96			

GRAND TOAL: 1.553 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO: P7 - P5 - RP2	CREW: DƯƠNG - SON - HUY	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM25/3063	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VU XUAN TRUONG	P7	74	1	14	1	15	65	ANTOAN	Vietnamese
2	NGO VAN TINH	P7	72-73	2	13			63	ANTOAN	Vietnamese
3	LE VAN QUYEN	P7	71	1	5			57	PSV	Vietnamese
4	TRAN NGOC DUY	P5	50	1	8	1	10	67	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN VIET	P5	51	1	8			55	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HUY	P5	49	1	7			58	PSV	Vietnamese
7	ĐINH VAN LUU	P5	52	1	6			53	PSV	Vietnamese
8	LA NGOC MANH	RP2	25	1	5	1	12	63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THANH TRUNG	RP2	26-27	2	18			77	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG TAN	RP2	24	1	6			56	PSV	Vietnamese
11	LE MANH HUNG	RP2	22	1	7			73	PSV	Vietnamese
12	LE NGUYEN DUY THONG	RP2	19	1	6			49	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN VAN AI	RP2	23	1	4			52	PSV	Vietnamese
14	LO TRUONG GIANG	RP2	28-29	2	9			72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P7	3	185	4	32	1	15	0		
2	P5	4	233	4	29	1	10	6		
3	RP2	7	442	9	55	1	12	16		
TOTAL		14	860	17	116	3	37	22		
WEIGHT KG			860		116		37			

GRAND TOAL: 1.013 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VU THI THU HUONG

CREW

BUI HOANG DUONG

PHẠM THÁI SƠN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: RC3 - TD5 - TD3	CREW: HÙNG - NPHÚ - TÚ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM25/3060	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VU LE TRUNG	RC3	04-05	2	8	3	50	65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TRONG KHOA	RC3	09	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HUY HOANG	RC3	90	1	7			91	KH-THAC	Vietnamese
4	NGO KHANH NAM	RC3	95-96	2	7			80	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN HAI VIET	RC3	08	1	6			90	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG QUANG TUẤN	RC3	11	1	10			66	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI XUÂN NGỌC	RC3	92-93	2	14			62	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN VAN KHANH	RC3	400,01	2	20			52	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG QUANG HUNG	RC3	10	1	15	1	10	73	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐẶNG TAT HANH	RC3	06-07	2	15	1	15	64	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN VAN PHUOC	RC3	99	1	16			75	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN ĐÌNH HUNG	RC3	89	1	10			70	XAYLAP	Vietnamese
13	VÔ VĂN ĐẠO	RC3	98	1	9			65	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN THANH NAM	RC3	02-03	2	11			53	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN TIEN TRƯƠNG	RC3	91	1	11	1	12	70	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN TUẤN ĐẠT	RC3	94	1	9			82	XAYLAP	Vietnamese
17	LIU QUY DUNG	RC3	97	1	12			56	XAYLAP	Vietnamese
18	QUÁCH ĐẶC THẬN	TD3	27	1	5			50	PSV	Vietnamese
19	PHAN CHINH QUY	TD3	28	1	5			70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC3	17	1.185	23	185	6	87	6		
2	TD5	0	0	0	0	1	10	11		
3	TD3	2	120	2	10	0	0	5		
TOTAL		19	1.305	25	195	7	97	22		
WEIGHT KG			1.305		195		97			

GRAND TOAL: 1.597 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

LÊ QUÝ HUNG

ĐÀO NGỌC PHÚ



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 10:05
B.CARD: TRANG-2	TO:RC10 - CTC1	CREW: ĐTRUNG - VƯƠNG	ETA: 11:55
VSP FLIGHT: 09		VNHS FLIGHT: TM25/3069	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN BÌNH LONG	RC10	12	1	9			83	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TÁT THANH	RC10	11	1	9			60	KH-THAC	Vietnamese
3	TẠ VĂN VIỆT	RC10	14-15	2	18			80	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM TRUNG KIẾN	RC10						67	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI ĐỨC KHÁNH	RC10	13	1	4			53	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN TRUNG HIỆU	CTC1	87-88	2	12			84	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ VĂN ĐỆ	CTC1	83	1	8			62	HONG HA	Vietnamese
8	TRANG THANH MẪN	CTC1	84	1	7			55	HONG HA	Vietnamese
9	BUI SI HIỆU	CTC1	81	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TIẾN THỨC	CTC1	82	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
11	LƯƠNG XUÂN THANH	CTC1	90	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN VĂN LÝ	CTC1	80	1	8			83	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ HOÀNG LONG	CTC1	89	1	12	1	12	85	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN TRỌNG MẠNH	CTC1	86	1	12			57	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM BUI ĐÌNH LỘC	CTC1	85	1	8			81	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC10	5	343	5	40	0	0	3		
2	CTC1	10	728	11	81	1	12	13		
TOTAL		15	1.071	16	121	1	12	16		
WEIGHT KG			1.071		121		12			

GRAND TOAL: 1.204 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

NGUYỄN ĐỨC TRUNG

TRẦN HÙNG VƯƠNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 10:10
B.CARD: NAU-2	TO:PPD	CREW: ATUÁN - VLINH	ETA: 12:00
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM25/3066	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ QUANG HUY	PPD	80-81	2	15	2	32	72	KHI	Vietnamese
2	CAO THANH BINH	PPD	70-71	2	9			70	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN TUẤN ANH	PPD	75-76	2	16			77	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG MINH CHAU	PPD	78	1	10			76	QUYET THA	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN THOÁ	PPD	82-83	2	10			58	QUYET THA	Vietnamese
6	PHẠM VĂN THANH	PPD	79	1	12			70	QUYET THA	Vietnamese
7	TRƯƠNG NGỌC LINH	PPD	84	1	9	1	12	69	QUYET THA	Vietnamese
8	VŨ VĂN LỢI	PPD	25	1	10			65	QUYET THA	Vietnamese
9	PHÙNG QUANG ĐẠI	PPD	31-32	2	15			78	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN HỮU QUYNH	PPD	67	1	7	1	15	63	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN KHÁC THEP	PPD	69	1	14			58	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU PHI	PPD	72-73	2	12			68	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ VĂN TÍNH	PPD	29-30	2	19			62	XAYLAP	Vietnamese
14	TRƯƠNG VĂN NHIÊU	PPD	77	1	14			76	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ QUỐC THỤY	PPD	65-66	2	19			64	XAYLAP	Vietnamese
16	CU THÈ CANH	PPD	28	1	11			57	XAYLAP	Vietnamese
17	LẠI XUÂN ĐƯỢC	PPD	26-27	2	19			70	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN KHÁC PHI	PPD	64	1	10			59	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN QUANG HUNG	PPD	74	1	16			60	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	19	1.272	28	247	4	59	19		
TOTAL		19	1.272	28	247	4	59	19		
WEIGHT KG			1.272		247		59			

GRAND TOAL: 1.578 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

ĐOÀN ANH TUẤN

TRỊNH VINH LINH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: BK8 - P2	CREW: VTHẮNG - M.ĐỨC - NNAM	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 11		VNHS FLIGHT: TM25/3058	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN HỒNG	BK8	07	1	8	1	9	64	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN KHAI	BK8	02	1	9	2	33	71	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG SY NGOC	BK8	06	1	8			72	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN THANH SƠN	BK8	01	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM TIẾN DŨNG	BK8	05	1	11			69	CODIEN	Vietnamese
6	TÔ TIẾN HUNG	BK8	03-04	2	14			78	CODIEN	Vietnamese
7	HỒ HỮU LINH	P2				3	55	94	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAC ĐỨC HUY	P2	97	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ VĂN HIỆU	P2	89	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese
10	K LING	P2	96	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ SINH TÂM	P2	900	1	6			95	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU HẠ	P2	93	1	8			54	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VĂN VƯỢNG	P2	99	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
14	TANG MẠNH HÀ	P2	84	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC DU	P2	85	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HIỆU	P2	94	1	6			86	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN PHONG	P2	95	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
18	BÙI THỌ DŨNG	P2	86	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM VĂN QUYÊN	P2	87-88	2	7			68	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐOÀN KHẮC CÁN	P2	90	1	10			67	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐOÀN VĂN DU	P2	98	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN ĐỨC MINH	P2	91-92	2	13			76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK8	6	417	7	54	3	42	4		01 NB: ĐỖ PHẠM NGUYỆT THANH NGỒI GHẾ PHỤ)
2	P2	16	1.138	17	97	3	55	18		
TOTAL		22	1.555	24	151	6	97	22		
WEIGHT KG			1.555		151		97			

GRAND TOAL: 1.803 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: PPD - MRM - TD2	CREW: QVIỆT - HTRUNG - VŨ	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 12		VNHS FLIGHT: TM25/3061	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BUI VAN TUYEN	PPD	39-40	2	16			57	XAYLAP	Vietnamese
2	VU DINH HUNG	PPD	37-38	2	23			65	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐẶNG SY AN	PPD	33-34	2	21			61	XAYLAP	Vietnamese
4	VAN TIEN DUAN	PPD	35-36	2	23			69	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC DANH	PPD	28-29	2	20	1	20	62	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN THANH TAN	PPD	24-25	2	17			69	XAYLAP	Vietnamese
7	NGO VAN SON	PPD	26-27	2	16			70	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐẠO ĐỨC ĐÔNG	PPD	30	1	15			80	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN ĐĂNG THANH	PPD	31	1	15			61	XAYLAP	Vietnamese
10	HOANG XUAN ĐÔNG	PPD	32	1	6			61	PSV	Vietnamese
11	PHAM THANH HUNG	PPD	42	1	6			62	PSV	Vietnamese
12	HOANG THAI VIET	MRM	64	1	11			72	DVL	Vietnamese
13	TRAN VAN TUYET	MRM	62	1	14			78	DVL	Vietnamese
14	PHAM VAN SANG	MRM	69-70	2	16			69	DVL	Vietnamese
15	PHAM VAN ĐAM	MRM	63-65	2	11			68	DVL	Vietnamese
16	NGUYEN VIET HUNG	MRM	66-67	2	18			66	DVL	Vietnamese
17	VU VAN NAM	MRM	68	1	14			73	DVL	Vietnamese
18	HOANG VAN THANH	TD2	98-99	2	16			74	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAN THANH ANH	TD2	94-95	2	14			66	XAYLAP	Vietnamese
20	PHAN THANH NGA	TD2	96-97	2	17			88	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	11	717	18	178	1	20	7		
2	MRM	6	426	9	84	0	0	7		
3	TD2	3	228	6	47	0	0	8		
TOTAL		20	1.371	33	309	1	20	22		
WEIGHT KG			1.371		309		20			

GRAND TOAL: 1.700 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:20
B.CARD: VANG - 3	TO: BK6 - RP1	CREW: KHOÀN - MTHAO - DTÙNG	ETA: 14:10
VSP FLIGHT: 13		VNHS FLIGHT: TM25/3064	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ NGỌC AN	BK6	68	1	9	4	70	76	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ HUY TIÊN HAI	BK6	52	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN CÔNG THANH	BK6	55	1	4			79	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN ĐOÀN ĐOÀN	BK6	62-63	2	20			60	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ HỒNG DƯƠNG	BK6	61	1	17	1	10	59	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ XUÂN TÙNG	BK6	58-59	2	20			79	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN VĂN DUNG	BK6	54	1	16	1	7	73	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ VĂN DƯƠNG	BK6	56-57	2	18			64	XAYLAP	Vietnamese
9	CAO NGỌC THANH	BK6	66	1	14	1	13	66	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN PHÚC SANG	BK6	64-65	2	18			62	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN PHE	BK6						69	PSV	Vietnamese
12	LÊ PHÚC HOANG	RP1	46	1	17	1	20	87	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐÀO HAI TÙNG	RP1	45	1	13			78	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TÀI	RP1	44	1	14			70	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ NGUYỄN KHÔI NGUYỄN	RP1	48-49	2	12			60	XAYLAP	Vietnamese
16	MAI TRUNG DƯƠNG	RP1	47	1	9			68	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN SỸ TÌNH	RP1	50-51	2	17			61	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU HOANG	RP1	52-53	2	21			67	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAN THIÊN PHÚC	RP1	54-55	2	16			80	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK6	11	754	14	143	7	100	9		
2	RP1	8	571	12	119	1	20	13		
TOTAL		19	1.325	26	262	8	120	22		
WEIGHT KG			1.325		262		120			

GRAND TOAL: 1.707 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI KIEU THU

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

MAI VĂN THAO

Xin pe để hàng trên ghế trống